TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DSPT
Ngày: 11/01/2022
Về việc tranh chấp thỏa thuận
về đền bù đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo

Các Thẩm phán: 1. Ông Phạm Hồng Giảng

2. Ông Nguyễn Bá Thịnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Thương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Long – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 222/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc "Tranh chấp thỏa thuận về đền bù đất";

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1347/2021/DS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3336/2021/QĐPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81040/2021/QĐH ngày 25 tháng 10 năm 2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 9053/2021/QĐH ngày 15 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: đường số Q, khu phố W, phường E, Thành phố R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Huân C, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: đường Y, phường U, Thành phố R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Tổng công ty TL

Địa chỉ: đường I, phường O, quận P, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Huỳnh N, sinh năm 1966 (Có mặt).

2. Ông Đặng Văn T1, sinh năm 1985 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: đường S, phường D, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn M2 (Vắng mặt).

Địa chỉ: đường V, phường J, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hợp tác xã H1

Địa chỉ: đường số Z, khu phố W, phường E, Thành phố R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trình Thị H2, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: đường số Z, khu phố W, phường E, Thành phố R, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Lê Hoàng T2, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: đường số Z, khu phố W, phường E, Thành phố R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Huân C, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: đường Y, phường U, Thành phố R, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Lê Hoàng A, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: đường số Z, khu phố W, phường E, Thành phố R, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Lê Hoàng T3, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: đường số Z, khu phố W, phường E, Thành phố R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Huân C, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: đường Y, phường U, Thành phố R, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa nguyên đơn bà Trần Thị L có đại diện theo ủy quyền ông Lê Huân C trình bày:

Theo quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 29/4/1998 của Thủ tướng Chính phủ thu hồi 15.876m^2 đất tại khu phố W, phường E, Thành phố Thủ Đức để giao cho Công ty TNHH ĐP (sau đây viết tắt là Công ty ĐP) thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở Cán bộ công nhân viên của Tổng công ty TL; trong đó có diện tích đất của bà L kê khai là 2.744m^2.

Ngày 20/12/1999, Công ty ĐP đã ký với gia đình bà L biên bản cam kết có nội dung đền bù cho gia đình bà L được tái định cư tại chỗ với diện tích 300m^2 và số tiền 560.000.000 đồng đền bù hoa màu trên đất; tuy nhiên Công ty ĐP chưa đền bù cho gia đình bà L một suất tái định cư tại chỗ là 300m^2 và mới đền bù cho gia đình bà L 510.000.000 đồng tiền hoa màu trên đất. Năm 2004, xảy ra việc ông Trần Văn G - giám đốc Công ty ĐP bị bắt về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Năm 2005, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt tù chung thân đối với ông G; đồng thời giao cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử lý các dự án của Công ty ĐP.

Ngày 13/4/2010, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1675/QĐ-UBND về điều chỉnh Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 29/4/1998 của Thủ tướng Chính phủ, giao đất cho Tổng công ty TL để thực hiện các dự án của Công ty ĐP để lại. Công ty ĐP thỏa thuận thu hồi đất và đền bù cho gia đình bà L một suất tái định cư tại chỗ chưa thực hiện. Ngày 12/7/2015, bà L gửi đơn đến Tổng công ty TL yêu cầu giải quyết tái định cư tại chỗ với diện tích đất là 300m^2 và thanh toán số tiền 50.000.000 đồng còn lại, nhưng không được chấp nhận.

Ngày 16/5/2017, Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh ban hành công văn số 4704/STNMT-QLĐ về trả lời đơn của bà L thì Tổng công ty TL phải có trách nhiệm đền bù cho gia đình bà L một suất tái định cư tại chỗ là 300m^2 đất; nhưng cho đến nay Tổng công ty TL vẫn chưa thực hiện việc đền bù cho gia đình bà L và thanh toán số tiền 50.000.000 đồng còn lại; vì vậy bà L khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

- Buộc Tổng công ty TL phải có trách nhiệm bàn giao cho bà Trần Thị L 01 (một) suất tái định cư tại chỗ với diện tích 300m^2 đất thổ cư trong dự án xây dựng nhà ở cán bộ công nhân viên của Tổng công ty TL tại phường E, Thành phố R (phần đất tọa lạc tại khu phố W, phường E, Thành phố R) vị trí là thuộc thửa 159-2, tờ bản đồ số 62 theo bản vẽ hiện trạng vị trí - xác định ranh do Trung tâm đo dạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 20/01/2020); bàn giao phần đất bao gồm việc sử dụng không giới hạn cơ sở hạ tầng gồm: Đường đi, vĩa hè, hệ thống cấp điện, nước và các tiện ích khác; phía Công ty phải hoàn tất thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở đô thị với diện tích 300m^2 trên, hoàn thành nghĩa vụ tài chính là đóng đủ 100% tiền sử dụng đất lệ phí trước bạ; đồng thời phía Công ty phải có trách nhiệm hoàn tất thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L và ông Lê Hoàng T2.

- Buộc Tổng công ty TL phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị L số tiền còn lại là 50.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định 9%/năm tính từ ngày 01/01/2000 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 20/5/2021 là 94.500.000 đồng; tổng cộng số tiền là 144.000.000 đồng.

Bị đơn Tổng công ty TL có đại diện theo ủy quyền ông Đặng Văn T1, ông Huỳnh N trình bày:

Công ty TNHH ĐP (gọi tắt là Công ty ĐP) và Tổng công ty TL (gọi tắt là V) đã ký Hợp đồng số 17-7/HĐ-XDNO ngày 24/7/1996 (gọi tắt là Hợp Đồng 17-7) về việc đầu tư quy hoạch khu nhà ở cán bộ công nhân viên của V ("Dự án").

Ngày 29/4/1998, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 368/QĐ-TTg về việc giao đất cho Công ty ĐP để xây dựng khu nhà ở cán bộ công nhân viên tại phường E, thành phố R; thực hiện việc đền bù giải toả đất, đối với hộ ông Lê Hoàng T2 và bà Trần Thị L, Công ty ĐP đã ký Biên bản trị giá đền bù số 299/BBĐB ngày 28/7/2000 có xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân phường E. Sau đó, xảy ra vụ án hình sự lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Trần Văn G.

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, tất cả bị hại có yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự có liên quan đã được Toà án nhân dân có thẩm quyền giải quyết nhưng không có các nội dung yêu cầu của ông T2, bà L. Tại bản án sơ thẩm, của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (năm 2004) và phúc thẩm của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (năm 2005) đã tuyên giao cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh dự án của Công ty ĐP đang thực hiện dở dang để giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ bản án của Tòa án nhân dân có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện các thủ tục để giải quyết dự án đang thực hiện của Công ty ĐP. Ngày 11/5/2005, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản số 2685/UB-ĐT về giải quyết các dự án có liên quan đến Trần Văn G, V và Sở Tài nguyên Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Quận R (cũ), Ủy ban nhân dân phường E đã tiến hành xem xét và rà soát phần diện tích chưa bồi thường, xác định lại diện tích và ranh đất đã bồi thường và giải quyết các tồn tại, nghĩa vụ khác của dự án. Sau khi xem xét, rà soát giải quyết các tồn tại của dự án, tại văn bản số 8045/TNMT-QHSDĐ ngày 05/11/2009, Sở Tài nguyên Môi trường gửi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh Quyết định 368 của Thủ tướng Chính phủ đã nêu và thống nhất ý kiến của UBND Quận R (cũ) "Từ thực tế nêu trên và kiểm tra thực địa hiện trạng khu đất đã đền bù của dự án xây dựng khu nhà ở cán bộ công nhân viên Tổng công ty TL tại phường E quận R (cũ). UBND Quận R (cũ) xác nhận diện tích thực tế đã bồi thường là 9.731,1 m^2 được xác định trên bản đồ hiện trạng vị trí số 15113/ĐĐBĐ-CNTĐ ngày 30/11/2006 do Trung tâm Đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập". Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của Sở Tài nguyên Môi trường, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 83/UBND-ĐTMT ngày 11/01/2010 về việc điều chỉnh Quyết định số 368. Được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 13/4/2010 về điều chỉnh Quyết định số 368/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ chuyển giao đất cho Tổng công ty TL tiếp tục thực hiện dự án. Căn cứ Quyết định 1675, V đã thực hiện các bước thủ tục để thực hiện dự án theo quy định pháp luật hiện hành và đã được UBND quận R (cũ) phê duyệt đồ án điều chỉnh chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 vào năm 2014. Cho đến thời điểm hiện tại, V đã thực hiện các thủ tục để triển khai thực hiện dự án theo đúng các hướng dẫn của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Ngày 12/7/2015, bà Trần Thị L có đơn yêu cầu về việc tái định cư cho hộ ông Lê Hoàng T2 theo Biên bản cam kết ngày 20/12/1999 trong dự án đầu tư quy hoạch khu nhà ở cho CB-CNV Tổng Công ty TL gửi V. Tại đơn yêu cầu, bà Trần Thị L dẫn chiếu đến nội dung Biên bản cam kết ngày 20/12/1999 mà bà L cho rằng đã ký với Công ty ĐP và buộc V nghiêm túc thực hiện thoả thuận tại biên bản này. V đã có văn bản số 726/TLVN-ĐT ngày 10/8/2015 về việc trả lời đơn yêu cầu của bà L. Sau đó, bà L có văn bản gửi các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước khác đề nghị xem xét, giải quyết nhưng đến nay yêu cầu của bà

L chưa được giải quyết bằng một quyết định có hiệu lực nào của bất kỳ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nào theo quy định của pháp luật.

Tại Hợp đồng 17-7 và Quyết định 368 của Thủ tướng đều xác định dự án được thực hiện để xây dựng khu nhà ở cán bộ công nhân viên của V. V hoàn toàn không chấp nhận người dân được tái định cư tại dự án. Vì vậy, Biên bản 20/12/1999 bà L cung cấp có nội dung hộ ông T2 được tái định cư với diện tích 300 m^2 hoàn toàn không thể hiện đúng ý chí của V cũng như Quyết định 368 của Thủ tướng.

Bà L cung cấp Biên bản 20/12/1999 không có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường E. Trong khi, Biên bản 229 có xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân phường E đã thể hiện rõ thỏa thuận bồi thường và phần cuối biên bản ông T2, bà L đã ký xác nhận "đã nhận đủ số tiền 560.000.000 đồng và số tiền hỗ trợ 35.000.000 đồng và cam kết chúng tôi không khiếu nại". Mặt khác, từ năm 2001, khi ông G bị bắt cho đến khi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bản án sơ thẩm (năm 2004) và Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bản án phúc thẩm (năm 2005), bà L và ông T2 không có bất kỳ đơn tố cáo, khiếu nại hay yêu cầu giải quyết quyền lợi nào. Đồng thời, từ ngày 13/4/2010, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết Định 1675 giao V tiếp tục thực hiện Dự án nhưng mãi đến ngày 12/7/2015, bà L mới có Đơn yêu cầu V thực hiện thỏa thuận tại Biên bản 20/12/1999. Điều này thể hiện, trước đây, khi có điều kiện rõ ràng để yêu cầu được giải quyết trực tiếp quyền lợi của mình nhưng bà L không thực hiện. Do đó, V cho rằng, nội dung Biên bản 20/12/1999 không thể hiện đúng ý chí của V khi thực hiện dự án cũng như Quyết định 368 của Thủ tướng. Vì vậy, V không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Dự án khu nhà ở cán bộ công nhân viên của Tổng công ty TL tại khu phố W, phường E, thành phố R, được Thủ tướng Chính phủ giao đất theo Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 29/4/1998 cho Công ty ĐP. Theo tờ đăng ký đất do bà Trần Thị L kê khai ngày 10/8/1999 được Ủy ban nhân dân phường E xác nhận có nội dung: Ông Lê Hoàng T2 và vợ là bà Trần Thị L sử dụng 2.818m^2 đất với mục đích sử dụng là đất trồng mai; đất có nguồn gốc do Hợp tác xã nông nghiệp X cấp cho ông T2 - bà L sử dụng và canh tác từ năm 1986, đóng thuế nông nghiệp hằng năm.

Ngày 20/12/1999, đại diện Công ty ĐP là ông Trần Văn G - giám đốc, đại diện Hợp tác xã Nông nghiệp H1 và ông T2 lập Biên bản cam kết về việc đồng ý di dời và nhận tiền đền bù với 2.744m^2 đất có thửa A/589 tại Phường E; tổng số tiền đền bù là 560.000.000 đồng; ngoài ra ông T2 được tái định cư trên diện tích là 300m^2 trong phần đất của ông, Công ty ĐP có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và kèm theo toàn bộ cơ sở hạ tầng cho ông T2. Đến thời điểm năm 2000, ông T2 đã nhận được 510.000.000 đồng; Công ty ĐP còn nợ lại 50.000.000 đồng và một suất tái định cư tại chỗ 300m^2. Do có liên quan đến vụ án Trần Văn G, tại Bản án phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tuyên

giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử lý các dự án của Công ty ĐP nên Tổng công ty TL đã kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho phép tiếp tục thực hiện dự án, đồng thời xin điều chỉnh quy mô dự án do gặp khó khăn trong việc bồi thường.

Ngày 11/01/2010, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 83/UBND-ĐTMT báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường về điều chỉnh Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 29/4/1998 của Thủ tướng Chính phủ, có nêu: *"*... Sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sẽ ban hành quyết định điều chỉnh quyết định giao đất và điều chỉnh lại quy hoạch tổng thể mặt bằng khu đất đã được duyệt trước đây để phù hợp với tình hình thực tế và quy hoạch chung khu vực hiện nay. Tổng công ty TL có trách nhiệm giải quyết các tồn tại của dự án trước đây và triển khai thực hiện dự án theo quy định…".

Ngày 26/3/2010, Văn phòng Chính Phủ có Công văn số 1969/VPCP-KTM truyền đạt ý kiến của Phó Thủ tướng H3 chấp thuận nội dung đề xuất của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 83/UBND-ĐTMT nêu trên.

Ngày 13/4/2012, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1675/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 29/4/1998 của Thủ tướng Chính phủ về giao đất cho Công ty ĐP để xây dựng khu công nhân viên của Tổng công ty TL, điều chỉnh diện tích đất thu hồi, giao đất, tên đơn vị được giao đất và mục đích sử dụng đất như sau: Diện tích thu hồi: 9.691,9m^2, đơn vị được giao đất: Tổng công ty TL; mục đích sử dụng đất: Xây dựng nhà ở cán bộ công nhân viên Tổng công ty TL. Dự án đã được Ủy ban nhân dân quận R (cũ) phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 vào năm 2014.

Phần diện tích đất 9.691,9m^2 hiện nay do Tổng công ty TL quản lý, sử dụng là phần diện tích đất trước đây do Công ty ĐP đã thỏa thuận bồi thường đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất trong dự án. Bà L có đơn yêu cầu Tổng công ty TL là đơn vị đang quản lý, sử dụng khu đất bố trí tái định cư cho hộ của bà theo Biên bản cam kết của Công ty ĐP nhưng không được chấp nhận. Khi ban hành Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 13/4/2010, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh diện tích đất thu hồi, giao đất, tên đơn vị được giao đất và mục đích sử dụng đất; tại khoản 2.3 Điều 2 có nêu "Tổng công ty TL chịu trách nhiệm về danh sách cán bộ công nhân viên tham gia góp vốn vào dự án, đảm bảo đúng đối tượng và chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý việc xây dựng nhà ở của cán bộ công nhân viên theo đúng quy hoạch kiến trúc được duyệt và giải quyết các khiếu nại (nếu có) theo quy định pháp luật. Như vậy, Tổng công ty TL đã được kế thừa những hạng mục mà Công ty ĐP đã hoàn thành trước đó cũng như phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ khác để hoàn thành dự án, trong đó bao gồm việc thực hiện các cam kết của Công ty ĐP đã thỏa thuận đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất bị ảnh hưởng trong dự án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hợp tác xã H1, thành phố R trình bày:

Bà Trần Thị L là xã viên của Hợp tác xã H1, thành phố R; tại văn phòng hợp tác xã có sự chứng kiến của ông chủ nhiệm hợp tác xã về nội dung biên bản cam kết về việc đồng ý di dời và nhận tiền đền bù của ông T2, bà L ngày 20/12/1999, ý kiến của hợp tác xã là không thay đổi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua ông Lê Hoàng T2 có đại diện theo ủy quyền ông Lê Huân C trình bày:

Ông Lê Hoàng T2 và bà Trần Thị L trước đây là vợ chồng đã ly hôn vào năm 2007, phần đất có diện tích 2.744m^2 thuộc thửa đất số A/589 tọa lạc tại khu phố W, phường E, thành phố R; theo tờ đăng ký kê khai nhà đất số 7013303 ngày 10/8/1999 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường E là tài sản chung của bà L và ông T2 có được trong thời kỳ hôn nhân; nay bà L khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết với yêu cầu như trên ông T2 thống nhất với ý kiến của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua bà Lê Hoàng A, ông Lê Hoàng T3 trình bày:

Đề nghị Tòa án xem xét xác nhận quyền sử dụng đất có diện tích 2.744m^2 là tài sản chung của ông T2, bà L và không có ý kiến gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 1347/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố R, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L tại phiên toà sơ thẩm cụ thể:

- Bác cầu khởi kiện của bà Trần Thị L về việc đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc: Tổng công ty TL phải có trách nhiệm bàn giao cho bà Trần Thị L 01 (một) suất tái định cư tại chỗ với diện tích 300m^2 đất thổ cư trong dự án xây dựng nhà ở cán bộ công nhân viên của Tổng công ty TL tại phường E, Thành phố R (phần đất tọa lạc tại khu phố W, phường E, thành phố R) vị trí là thuộc thửa 159-2, tờ bản đồ số 62 theo bản vẽ hiện trạng vị trí - xác định ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 20/01/2020); bàn giao phần đất bao gồm việc sử dụng không giới hạn cơ sở hạ tầng gồm: Đường đi, vỉa hè, hệ thống cấp điện, nước và các tiện ích khác; phía Công ty phải hoàn tất thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở đô thị với diện tích 300m^2 trên, hoàn thành nghĩa vụ tài chính là đóng đủ 100% tiền sử dụng đất lệ phí trước bạ; đồng thời phía Công ty phải có trách nhiệm hoàn tất thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L và ông Lê Hoàng T2.

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L về việc đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc: Tổng công ty TL phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị L số tiền còn lại là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định 9%/năm tính từ ngày 01/01/2000 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 20/5/2021 là 94.500.000 (chín mươi bốn

triệu năm trăm ngàn) đồng; tổng cộng số tiền là 144.000.000 (một trăm bốn mươi bốn triệu) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về các chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 31/5/2021, nguyên đơn bà Trần Thị L, ông Lê Hoàng T2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 01/6/2021, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị L có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Huân C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng T2 có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Huân C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn bà Trần Thị L có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Huân C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với các lý do:

- Tòa sơ thẩm chưa xác định rõ tư cách tố tụng của ông Trần Văn G, không triệu tập ông G tham gia phiên tòa là thiếu sót;

- Tòa sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, thiếu khách quan và không công bằng;

- Quyết định của bản án sơ thẩm trái với quan điểm, chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn Tổng công ty TL đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng T2 có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Huân C có cùng ý kiến như bà L.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm.

- Về nội dung: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thấy rằng: Tòa án cấp phúc thẩm đã có văn bản gởi Ủy ban nhân dân Thành phố R xác minh xem phần đất của gia đình bà Trần Thị L bị thu hồi có nằm trong dự án của Tổng công ty TL được giao đất hay không, nhưng đến nay vẫn chưa được trả lời.

Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành xác minh thu thập chứng cứ mà đã đưa vụ án ra xét xử và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm cả về tố tụng và nội dung, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bà L, nên xét thấy cần phải hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Từ các phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị L,

kháng cáo của ông Lê Hoàng T2 và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 1347/2021/DS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Trần Thị L và ông Lê Hoàng T2, Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc bà Trần Thị L cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xác định tư cách tố tụng của ông Trần Văn G cũng như không triệu tập ông G tham gia phiên tòa, thấy rằng: Mặc dù ông G phủ nhận chữ ký và chữ viết trong biên bản cam kết thỏa thuận và đền bù ngày 20/12/1999, nhưng theo kết luận giám định số 288/C09B ngày 14/01/2021 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an đã khẳng định đều là chữ ký và chữ viết của ông G. Mặt khác, bản án phúc thẩm của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật đã tuyên: "…Giao Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý các dự án của Công ty ĐP…", sau khi Tổng công ty TL có đơn kiến nghị gởi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu được tiếp tục thực hiện dự án, đồng thời xin điều chỉnh quy mô dự án do gặp khó khăn trong việc bồi thường. Do đó, Tổng công ty TL là đơn vị kế thừa thực hiện dự án của Công ty ĐP phải có trách nhiệm giải quyết các tồn tại của dự án trước đây. Ông Trần Văn G không còn là người thực hiện dự án nêu trên, tất cả những tồn đọng của dự án đều đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Tổng công ty TL giải quyết. Vì vậy, không cần thiết phải triệu tập ông G tham gia tố tụng.

[2] Tòa sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, thiếu khách quan và không công bằng; Quyết định của bản án sơ thẩm tuyên trái với quan điểm, chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 17-7/HĐ-XDNƠ ngày 24 tháng 7 năm 1996 được ký kết giữa Công ty ĐP với Tổng công ty TL về việc đầu tư quy hoạch khu nhà ở cho cán bộ công nhân viên tại xã E, huyện R, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích dự kiến khoảng 18.000m^2. Hai bên thỏa thuận bên A góp kinh phí 2.880.000.000 đồng, bên B góp kinh phí 3.600.000.000 đồng. Diện tích mặt bằng sau khi hoàn thành các thủ tục được phân chia bên A 3.000m^2, bên B 13.000m^2 (phụ kiện hợp đồng ngày 01/8/1996).

Ngày 29 tháng 4 năm 1998, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 368/QĐ-TTg về việc thu hồi 16.491m^2 đất tại phường E, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh và giao cho Công ty TNHH ĐP sử dụng 15.876m^2 trong diện tích đất trên để xây dựng khu nhà ở cán bộ công nhân viên của Tổng công ty TL.

Theo tờ đăng ký đất do bà Trần Thị L kê khai ngày 10/8/1999 được Ủy ban nhân dân phường E xác nhận có nội dung: Ông Lê Hoàng T2 và vợ là bà Trần Thị L sử dụng 2.818m^2 đất với mục đích là đất trồng mai; đất có nguồn gốc do Hợp tác xã nông nghiệp X cấp cho ông T2, bà L sử dụng và canh tác từ năm 1986, đóng thuế nông nghiệp hàng năm.

Ngày 20 tháng 12 năm 1999, đại diện Công ty TNHH ĐP là ông Trần Văn G – Giám đốc, đại diện Hợp tác xã nông nghiệp H1 và ông Lê Hoàng T2 lập biên bản cam kết về việc đồng ý di dời và nhận tiền đền bù đối với 2.744m^2 đất có số thửa A/589 tại phường E; tổng số tiền đền bù hoa màu trên đất là 560.000.000 đồng. Ngoài ra, ông T2 được tái định cư trên diện tích là 300m^2 trong phần đất của ông, Công ty TNHH ĐP có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và kèm theo toàn bộ cơ sở hạ tầng cho ông Lê Hoàng T2.

Đến thời điểm năm 2000, ông T2 đã nhận được 510.000.000 đồng; Công ty ĐP còn nợ lại 50.000.000 đồng và một suất tái định cư tại chỗ 300m^2.

Do có liên quan đến vụ án Trần Văn G "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tại bản án phúc thẩm của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên giao Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý các dự án của Công ty ĐP, nên Tổng công ty TL đã kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố cho phép tiếp tục thực hiện dự án, đồng thời xin điều chỉnh quy mô dự án do gặp khó khăn trong việc bồi thường.

Ngày 11 tháng 01 năm 2010, Ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số 83/UBND-ĐTMT báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường về điều chỉnh Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 26 tháng 3 năm 2010, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 1969/VPCP-KTN chấp thuận nội dung đề xuất của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 83/UBND-ĐTMT nêu trên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2010, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1675/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về giao đất cho Công ty TNHH ĐP để xây dựng khu nhà ở cán bộ công nhân viên của Tổng công ty TL, điều chỉnh diện tích đất thu hồi, giao đất, tên đơn vị được giao đất và mục đích sử dụng đất như sau: Diện tích thu hồi: 9.691,9m^2; diện tích giao: 9.682m^2; đơn vị được giao đất: Tổng công ty TL; mục đích sử dụng đất: xây dựng nhà ở cán bộ công nhân viên Tổng công ty TL.

Ngày 12 tháng 7 năm 2015, bà Trần Thị L có đơn gởi đến Tổng công ty TL yêu cầu giải quyết tái định cư tại chỗ với diện tích đất là 300m^2 và thanh toán số tiền còn lại 50.000.000 đồng, nhưng không được chấp nhận (theo văn bản trả lời đơn số 726/TLVN-ĐT ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Tổng công ty TL).

[3] Xét, căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và qua trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo Công văn số 3591/UBND-TNMT ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân quận R trả lời quá trình đăng ký kê khai theo chỉ thị 02/CT-UB (số

mục kê lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường E) thửa đất số 589 do ông Lê Tấn N1 đăng ký. Hoàn toàn không có tên hộ bà Trần Thị L, ông Lê Hoàng T2 đăng ký kê khai, nhưng không trả lời rõ việc đăng ký kê khai này từ năm nào đến năm nào, từ năm 1999 (là năm bà L đăng ký kê khai) đến nay có gì thay đổi hay không? Do Tòa án nhân dân quận R không cung cấp vị trí phần đất diện tích 2.744m^2 của bà Trần Thị L, ông Lê Hoàng T2 theo tài liệu bản đồ, nên Ủy ban nhân dân quận không có cơ sở xác định có nằm trong diện tích 9.682m^2 hay không?

Theo Công văn 1693/UB ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân phường E trả lời thửa 589-3 hiện nay do bà Dương Thị P1 là chủ sở hữu. Như vậy, có sự khác nhau về tên người đăng ký kê khai theo chỉ thị 02 tên ông Lê Tấn N1 và tên chủ sử dụng hiện nay bà Dương Thị P1 đối với cùng thửa 589-3. Hiện Ủy ban nhân dân phường không có bản đồ hiện trạng vị trí lô đất cụ thể, do đó không có cơ sở xác định.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã không điều tra, xác minh làm rõ xem phần diện tích đất bà L khai và bị thu hồi có nằm trong diện tích 9.682m^2 đất dự án của Tổng công ty TL được giao hay không? và diện tích nằm trong dự án là bao nhiêu m^2? Ai là người đăng ký sử dụng từ trước đến nay? Chưa cung cấp vị trí phần đất diện tích 2.744m^2 của bà Trần Thị L, ông Lê Hoàng T2 theo tài liệu bản đồ để Ủy ban nhân dân Thành phố R có cơ sở xác định phần diện tích đất bị thu hồi có nằm trong diện tích 9.682m^2 hay không?...

Vì tổng diện tích điều chỉnh thu hồi đất và giao đất là 9.682m^2 là có sự chênh lệch so với phần đất được giao theo Quyết định 368/QĐ-TTg ngày 29/4/1998. Mặt khác, chưa làm rõ nguồn gốc thửa đất qua các thời kỳ đến nay đối với thửa đất thuộc thửa 589 theo bản đồ hiện trạng vị trí xác định ranh ngày 20/01/2020 do Trung tâm đo đạc Bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh chi nhánh R lập có đúng là của bà L hay không? Từ đó mới có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng.

Trong khi đó phía bà L luôn khẳng định thửa đất 589-1 có diện tích 2.354m^2 và thửa 589-2 có diện tích 300m^2 thuộc tờ bản đồ số 4 là của gia đình bà sử dụng và canh tác từ năm 1986, đóng thuế nông nghiệp hàng năm và đã bàn giao cho Công ty ĐP làm dự án để xây dựng nhà ở cho cán bộ công nhân viên của Tổng công ty TL, theo biên bản cam kết ngày 20/12/1999, biên bản ngày 20/10/2000, biên bản ngày 08/01/2001 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét vấn đề này.

Ngoài ra, việc Tổng công ty TL cho rằng đã bồi thường xong cho gia đình bà L, thì cần có chứng cứ để chứng minh đã bồi xong những khoản nào? Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ vấn đề này, trong khi đó gia đình bà L cho rằng chỉ mới nhận được 510.000.000 đồng tiền đền bù hoa màu.

Ngoài ra, tại Công văn số 1016/UBND-NCPC ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh gởi Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức **một lần nữa khẳng định**: "*Tổng công ty TL đã được kế thừa những hạng mục mà Công ty TNHH ĐP đã hoàn thành trước đó, cũng như phải có*

trách nhiệm tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ khác để hoàn thành dự án, trong đó bao gồm thực hiện các cam kết của Công ty ĐP đã thỏa thuận đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất bị ảnh hưởng trong dự án".

Như vậy, kháng cáo của bà Trần Thị L và ông Lê Hoàng T2 là có căn cứ được chấp nhận một phần.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Như đã nhận định ở phần trên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ thửa đất của bà Trần Thị L có nằm trong diện tích 9.682m^2 hay không? Chưa làm rõ nguồn gốc của thửa đất qua các thời kỳ đến nay đối với thửa đất thuộc thửa 159 theo bản đồ hiện trạng vị trí – xác định ranh ngày 20/01/2020 do trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh R lập, lý do việc chênh lệch diện tích theo Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 1998 và Công văn số 83/UBND-ĐTMT ngày 11 tháng 01 năm 2010, nhưng vẫn tiến hành xét xử và tuyên án là không có cơ sở.

Theo Công văn số 83/UBND-ĐTMT ngày 11 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh báo cáo Thủ tướng Chính phủ, thì Tổng công ty TL có trách nhiệm giải quyết các tồn tại của dự án trước đây và triển khai thực hiện dự án theo quy định.

Đối với yêu cầu Tổng công ty TL phải có trách nhiệm thanh toán cho bà L số tiền còn lại là 50.000.000 đồng.

Xét, Tổng công ty TL cho rằng ngày 28/7/2000 ông Lê Hoàng T2, bà Trần Thị L đã ký nhận đủ số tiền 560.000.000 đồng và số tiền hỗ trợ 35.000.000 đồng, ông bà không khiếu nại. Tuy nhiên, chứng cứ bị đơn giao nộp là bản phô tô không có giá trị chứng minh, còn phía nguyên đơn cung cấp Biên bản ngày 20/10/2000 sao y bản chính thể hiện nội dung Công ty TNHH ĐP sẽ tiến hành giao cho gia đình ông T2 số tiền còn thiếu là 310.000.000 đồng trong vòng 10 ngày. Nếu Công ty không thực hiện sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. (Biên bản này được lập tại Ủy ban nhân dân phường E). Bị đơn không chứng minh được Công ty ĐP đã thanh toán hết số tiền này cho gia đình bà L, nên phải có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền còn lại là 50.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ các chứng cứ nêu trên, cấp phúc thẩm không thể bổ sung khắc phục được, mặc dù Tòa án cấp phúc thẩm đã có văn bản gởi Ủy ban nhân dân Thành phố R để xác minh vào các ngày 18/11/2021 và ngày 24/12/2021, nhưng đến nay vẫn chưa nhận được văn bản trả lời. Do đó, cần phải hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị L và ông Lê Hoàng T2 và chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, hủy bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ được chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị L và ông Lê Hoàng T2; Chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 1347/2021/DS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị L và ông Lê Hoàng T2;

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 1347/2021/DS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Hoàn trả cho bà Trần Thị L và ông Lê Hoàng T2 mỗi người 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền số AA/2019/0059256 ngày 01/6/2021 và biên lai thu tiền số AA/2019/0059258 ngày 03/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- TAND Thành phố Thủ Đức;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chi cục THADS Tp. Td;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thảo